

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27/4/2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Ngọc Anh
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thư ký viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT chính thức: Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 484/2022/TLST- HNGĐ, ngày 06/12/2022 tranh chấp Hôn nhân và gia đình về “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 65/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 11/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm 1991. Nơi cư trú: ấp 08, xã Vĩnh TĐ, huyện LM, tỉnh Hậu Giang. (đề nghị vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Võ Văn S, sinh năm 1984. Nơi cư trú: tổ 12, ấp Hưng T, xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải chị Võ Thị T có lời trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: nguyên trước đây anh chị tìm hiểu với nhau, sau đó chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PH, huyện PT vào ngày 13/02/2020 theo quy định. Quá trình chung sống với nhau được hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do: vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống với gia đình bên chồng, thường xuyên cự cãi nhau, chửi

bới, đánh chị nhiều lần và gia đình bên chồng còn đánh chị nhiều lần nhưng anh S không can ngăn nên chị đã không chung sống với nhau và ly thân từ năm 2020 cho đến nay; từ khi sống ly thân cho đến nay chị và anh S cũng không có hàn gắn, cũng không liên hệ qua lại với nhau nữa, chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn chung sống lại với nhau được nữa. Nay chị T cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn S.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 người con chung tên Võ Bá P, sinh ngày 12/4/2015 hiện đang chung sống với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 01 người con chung đến thành niên và tự lập được, không yêu cầu anh Võ Văn S phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về quan hệ tài sản chung; nợ phải thu và phải trả: chị T khai không có, không yêu cầu xem xét giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- *Bị đơn anh Võ Văn S có lời trình bày tại bản tự khai:* nguyên trước đây anh chị tìm hiểu với nhau, sau đó chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã PH, huyện PT vào ngày 13/02/2020 theo quy định. Chung sống với nhau được hạnh phúc cho đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do: vợ chồng hằng năm cùng đi làm thuê tại TP Hồ Chí Minh khi nào tết nguyên đán mới về nhà cha, mẹ ruột sống vài ngày rồi đi làm thuê tiếp kiếm sống, do chị T bất đồng với mẹ ruột nên bỏ về nhà cha, mẹ ruột của chị T sống ly thân cho đến nay. Chị T cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống có 01 người con chung tên Võ Bá P, sinh ngày 12/4/2015 hiện đang chung sống với chị T, anh cũng đồng ý giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến thành niên và tự lập được, không phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về quan hệ tài sản chung; nợ phải thu và phải trả: anh khai không có, không yêu cầu xem xét giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Võ Văn S được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Võ Văn S vẫn vắng mặt căn cứ Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh S. Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa chị Võ Thị T và anh Võ Văn S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình Toà án giải quyết anh S có ý kiến đồng ý thuận tình ly hôn nhưng do anh không có mặt khi Toà án tiến hành hoà giải để lập biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị nên đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của anh chị. Về con chung tên Võ Bá P, sinh ngày 12/4/2015 hiện đang chung sống với chị T ghi nhận sự thoả thuận của anh chị giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, phù hợp nguyện vọng cháu P muốn sống với

chị T, đề nghị HĐXX ghi nhận sự thoả thuận của chị T, anh S về nuôi con chung. Chị T chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về hình thức, thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Chị Võ Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về “*ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Võ Văn S, sinh năm 1984. Nơi cư trú: tổ 12, ấp Hưng T, xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

1.3 Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Võ Văn S được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Võ Văn S vắng mặt tại phiên tòa; chị T có đề nghị vắng mặt nên HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Võ Văn S và chị Võ Thị T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị T và anh Võ Văn S có đăng ký kết hôn (giấy chứng nhận kết hôn số 26/2020, ngày 13/02/2020 do UBND xã PH, huyện PT cấp cho anh chị) đây là hôn nhân được pháp luật bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẫn xảy ra. Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, hôn nhân của anh chị có ý kiến đồng ý thuận tình ly hôn nhưng do anh S không có mặt khi Toà án tiến hành phiên hoà giải đề lập biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị nên tại phiên tòa hôm nay HĐXX ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Võ Thị T và anh Võ Văn S theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2 Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh chị xác nhận có 01 người con chung tên Võ Bá P, sinh ngày 12/4/2015 hiện đang chung sống với chị T. Anh S có ý kiến cũng đồng ý giao cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến thành niên và tự lập được, không phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định, chị T cũng yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và cháu P cũng có nguyện vọng sống với chị T nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện thoả thuận của anh chị về việc giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3 Về quan hệ tài sản chung và nợ phải thu, phải trả: anh chị khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng

cứ, chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3]. Về án phí DSST: Chị Võ Thị T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Chị Võ Thị T và anh Võ Văn S có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 3; khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị T đối với anh Võ Văn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Võ Thị T và anh Võ Văn S.

2. Về quan hệ con chung:

2.1 Giao 01 người con chung tên Võ Bá P, sinh ngày 12/4/2015 cho chị Võ Thị T được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc đến thành niên và tự lập được. Anh Võ Văn S chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

2.2 Chị Võ Thị T trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở mà phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi anh Võ Văn S đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

2.3 Vì lợi ích của con chung khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Chị Võ Thị T phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng do chị Võ Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005836, ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

2.2 Anh Võ Văn S không phải chịu án phí.

Chị Võ Thị T và anh Võ Văn S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thành Thuận